

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☐; Giảng viên thỉnh giảng ☒

Ngành: Thủy lợi; Chuyên ngành: Kỹ thuật tài nguyên nước

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Le Xuan Quang

2. Ngày tháng năm sinh: 17/03/1971; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Xã Hoàng Lộc, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Căn hộ 309 CT 3-1, khu đô thị Mỹ Trì Hạ, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm; thành phố Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Căn hộ 309 CT 3-1, khu đô thị Mỹ Trì Hạ, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm; thành phố Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: 02437875079; Điện thoại di động: 0913303562;

E-mail: lequangiwe.vawr@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 1995 đến năm 2008: Cán bộ nghiên cứu. Công việc được giao: thiết kế các công trình thủy lợi phục vụ tưới phun mưa cho cam tại huyện Cao Lan, tỉnh Lạng Sơn; rau, màu tại Viện nghiên cứu rau quả –huyện Gia Lâm; TP Hà Nội. Cơ quan tại Viện Khoa học Thủy lợi

Từ năm 2008 đến năm 2009: Phó trưởng phòng. Công việc chuyên môn: Nghiên cứu ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm nước cho cây Nho và cây Thanh Long vùng khô hạn Nam Trung Bộ. Cơ quan tại Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường-Viện khoa học thủy lợi Việt Nam

Từ năm 2009 đến năm 2011: Trưởng phòng. Công việc chuyên môn: Nghiên cứu ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm nước cho cây Nho và cây Thanh Long vùng khô hạn Nam Trung Bộ. Nghiên cứu xác định nhu cầu nước và cân bằng nước lưu vực sông Mã. Cơ quan tại Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường-Viện khoa học thủy lợi

Việt Nam

Từ năm 2011 đến năm 2013: Phó viện trưởng. Nhiệm vụ chuyên môn: Nghiên cứu các tác động của BĐKH đến hệ thống cơ sở hạ tầng nông nghiệp và đề xuất các giải pháp giảm thiểu, nghiên cứu chế độ kỹ thuật tưới cho cây trồng cạn ngắn ngày. Cơ quan. tại Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường-Viện khoa học thủy lợi Việt Nam

Từ năm 2013 đến năm 2014: Phó viện trưởng phụ trách Viện. Nhiệm vụ chuyên môn: Nghiên cứu chế độ và kỹ thuật tưới cho một số cây trồng cạn (cây lạc Xuân, cải bắp vùng ven biển Bắc Bộ; cây cà chua bi vùng ĐBSH; cây dược liệu (khu vực miền núi phía Bắc). Cơ quan tại Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường-Viện khoa học thủy lợi Việt Nam

Từ năm 2014 đến năm 2020: Phó viện trưởng. Nhiệm vụ chuyên môn: Phối hợp với Trường Đại học Kyoto (Nhật Bản) Nghiên cứu quản lý nước tiết kiệm trên ruộng lúa tại Việt Nam. Nghiên cứu chế độ, kỹ thuật tưới cho một số loại cây trồng cạn khu vực miền Trung. Cơ quan tại Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường-Viện khoa học thủy lợi Việt Nam

Chức vụ: Hiện nay: Phó viện trưởng; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó viện trưởng phụ trách Viện

Cơ quan công tác hiện nay: Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường-Viện khoa học thủy lợi Việt Nam, thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

Địa chỉ cơ quan: Số 2, ngõ 165, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 02435634809

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Trường Đại học Thủy lợi, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Trường Đại học Hồng Đức, Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Trường Đại học Thủy lợi, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Trường Đại học Hồng Đức, Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 20 tháng 06 năm 1995, ngành: Thủy lợi, chuyên ngành: Thủy nông -cải tạo đất

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Thủy lợi. Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 13 tháng 09 năm 2002, ngành: Thủy lợi, chuyên ngành: Kỹ thuật tài nguyên nước

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Thủy lợi. Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

- Được cấp bằng TS ngày 11 tháng 10 năm 2010, ngành: Thủy lợi, chuyên ngành: Tưới tiêu cho cây trồng

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam, Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Thủy lợi

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Hướng nghiên cứu thứ nhất: Nghiên cứu chế độ, kỹ thuật tưới cho các loại cây trồng cạn, nghiên cứu ứng dụng, tích hợp các công nghệ, thiết bị tưới tiên tiến tiết kiệm nước định hướng tiệm cận công nghệ 4.0 trong lĩnh vực tưới tiết kiệm nước như: công nghệ giám sát và dự báo nhu cầu nước của cây trồng, tự động điều

khẩn hệ thống tưới; tưới kết hợp với nhu cầu dinh dưỡng của cây trồng cạn.

- Hướng nghiên cứu thứ hai:

Nghiên cứu công nghệ tưới tiên tiến tiết kiệm nước cho lúa, giảm phát thải khí nhà kính, các giải pháp, công nghệ trong công tác quy hoạch đồng ruộng, san ủi đồng ruộng, công tác dồn điền đổi thửa, vv... các công nghệ thủy nông nội đồng như: các công trình chống thất thoát nước đồng ruộng, các công trình kiểm soát nước, phân phối nước, kênh mương nội đồng, vv.. cho các vùng trồng lúa đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long và duyên hải miền Trung.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 10 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai);
- Đã hoàn thành 5 đề tài NCKH cấp Nhà nước; 3 đề tài NCKH cấp Bộ;
- Đã công bố (số lượng) 44 bài báo KH, trong đó 1 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 2 bằng sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 2, trong đó 2 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng 0 tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
1	Chiến sĩ thi đua cấp Bộ	Bộ trưởng	2016-2018
2	Bằng Khen của Thủ Tướng chính phủ	Thủ tướng Chính phủ	2012
3	Bằng khen Bộ trưởng	Bộ trưởng	2009
4	Bằng khen Bộ trưởng	Bộ trưởng	2015

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (tự đánh giá):

Căn cứ vào tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo được quy định trong quyết định Số: 37/2018/QĐ-TTg, ngày 31/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ, tôi nhận thấy có đủ điều kiện đăng ký xét công nhận đạt chuẩn chức danh phó giáo sư năm 2020 ngành Thủy lợi

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên *:

- Tổng số 6 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

(Căn cứ chế độ làm việc đối với giảng viên theo quy định hiện hành)

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/Số giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2013-2014			42	20	90	30	153/215/160
2	2014-2015			25	43	90	30	153/221,5/160
3	2016-2017			92	24	90		108/224/135
3 năm học cuối								
4	2017-2018			50		4	6	10,8/60,8/135
5	2018-2019			48		13	6	21,6/69,6/135
6	2019-2020						135	135/139/135

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn:

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☐:

- Học ĐH ; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; Tại nước: năm

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước .

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài .

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, học viên CH, BSCK, BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thị Phương Liên		X	X		12/2012 đến 09/2013	Trường Đại học Thủy lợi	2013
2	Nguyễn Thị Tâm		X	X		03/2013 đến 02/2014	Trường Đại học Thủy lợi	2014
3	Hà Thị Phú		X	X		12/2013 đến 09/2014	Trường Đại học Thủy lợi	2014

4	Nguyễn Trung Hiếu		X	X		12/2013 đến 03/2015	Trường Đại học Thủy lợi	2015
5	Ngô Văn Thuyết		X	X		10/2015 đến 04/2016	Trường Đại học Thủy lợi	2016
6	Trần Anh Toàn		X	X		10/2015 đến 04/2016	Trường Đại học Thủy lợi	2016
7	Lê Thế Hiếu		X	X		01/2016 đến 10/2016	Trường Đại học Thủy lợi	2016
8	Phạm Chiến Thắng		X	X		01/2016 đến 10/2016	Trường Đại học Thủy lợi	2016
9	Trịnh Hồng Quân		X	X		02/2018 đến 03/2019	Trường Đại học Thủy lợi	2019

10	Bùi Thị Phương Linh		X	X		08/2018 đến 12/2018	Học Viện nông nghiệp Việt Nam	2019
----	------------------------	--	---	---	--	---------------------------	--	------

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai số lượng NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ							
1	Công nghệ tưới tiết kiệm nước cho lúa nâng cao hiệu quả sử dụng và giảm phát thải khí nhà kính	CK	Nhà xuất bản nông nghiệp, năm 2019	1	MM		Số 20/GXN-VKHTLVN ngày 27/6/2019
2	Kết quả nghiên cứu đánh giá tác động của BĐKH đến một số lĩnh vực của ngành nông nghiệp và PTNT	CK	Nhà xuất bản lao động, năm 2013	7	VC	(Phần biên soạn từ trang số 337-388)	

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS: 2

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

- Chi kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	Đề tài nhánh: Tính toán tương quan mưa, dòng chảy và thiết lập các bài toán thủy lực ứng với các tần xuất làm cơ sở xây dựng mô hình vận hành các công trình hồ chứa trên lưu vực sông Hương” Thuộc đề tài cấp Nhà nước “Nghiên cứu đánh giá tác động của các công trình trên dòng chính và giải pháp quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên nước mặt lưu vực sông Hương”	CN	KC08.25/ 06- 10, cấp Nhà nước	01/04/2008 đến 30/09/2009	17/12/2010/ Khá
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					

1	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ của Nhật Bản trong hệ thống thủy lợi nội đồng nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nước, giảm phát thải khí nhà kính trong sản xuất lúa vùng đồng bằng sông Hồng	CN	NĐT.06.JPN/15, cấp Nhà nước	01/11/2015 đến 30/08/2018	06/12/2018/ Khá
2	Đề tài nhánh: “Đề xuất các giải pháp KHCN nguồn nước và công nghệ tưới cho vùng khan hiếm nước thuộc vùng trung du và miền núi phía Bắc” thuộc đề tài cấp nhà nước theo chương trình Nông thôn mới “ Nghiên cứu các giải pháp công nghệ (thủy lợi, cấp nước sinh hoạt) phục vụ xây dựng nông thôn mới vùng trung du miền núi phía Bắc”	CN	Số 10/2013/HĐ-VPCT, cấp Nhà nước	10/04/2014 đến 31/03/2016	11/10/2016/ Khá
3	Đề tài nhánh: “Nghiên cứu xác định khả năng chịu tải LVS Vu Gia – Thu Bồn” thuộc Đề tài cấp Nhà nước KC08-30/11-15 Nghiên cứu xác định khả năng chịu tải và dòng chảy tối thiểu của lưu vực sông Vu Gia -Thu Bồn	CN	KC08-30/11-15, cấp Nhà nước	10/10/2013 đến 30/09/2015	21/11/2015/ Khá

4	Đề tài nhánh : Nghiên cứu chế độ tưới và kỹ thuật tưới hợp lý cho một số loại cây trồng trong khu vực (nho, thanh long, cò chần nuôi, cam) thuộc đề tài độc lập cấp nhà nước, mã số ĐTĐL.2007 G/30: Nghiên cứu ứng dụng các giải pháp KHCN phòng chống hạn hán phục vụ phát triển nông nghiệp bền vững ở các tỉnh miền Trung	CN	mã số ĐTĐL.2007 G/30, cấp Nhà nước	01/01/2009 đến 31/12/2010	24/08/2012/ Khá
5	Hoàn thiện giải pháp công nghệ và tích hợp thiết bị tưới tiên tiến, tiết kiệm nước chi phí thấp cho các vùng cây trồng ngắn ngày rau màu, cây công nghiệp	CN	số 1175/2015/HĐ, cấp Bộ	01/01/2016 đến 31/05/2018	19/11/2018/ Khá
6	Nghiên cứu chế độ tưới và lựa chọn kỹ thuật tưới cho một số cây trồng cạn cho một số vùng đặc thù và công nghệ xử lý tái sử dụng nước thải hộ gia đình	CN	số 04/2012/HĐ, cấp Bộ	01/01/2012 đến 31/12/2013	08/05/2014/ Khá
7	Đánh giá ảnh hưởng của BĐKH đến hệ thống cơ sở hạ tầng nông nghiệp và Nông thôn và đề xuất các giải pháp giảm thiểu	CN	QĐ 2493/QĐ-BNN-KHCN, cấp Bộ	01/01/2010 đến 31/12/2012	26/04/2013/ Khá

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
1	Đánh giá hiệu quả tưới	1	Có	Tạp chí Hoạt động khoa học – ISSN 0866-7152			7 , 13-15	2004
2	Biến đổi khí hậu toàn cầu và vấn đề nước đối với nông nghiệp	1	Có	Tạp chí Nông nghiệp và phát triển Nông thôn -ISSN 0866-7020			7 , 916-918	2004
3	Sự cần thiết nghiên cứu chế độ tưới cho cây thanh long tại Bình Thuận	1	Có	Đặc san khoa học công nghệ Thủy lợi			4 , 39-41	2006

[illegible]

8	Kết quả thí nghiệm chế độ tưới luân chuyển $\frac{1}{2}$ gốc cho cây thanh long – Bình Thuận	2	Có	Tạp chí Khoa học kỹ thuật Thủy lợi và Môi trường- ISSN 1859-3941			3, 9-18	2012
9	Kết quả thí nghiệm chế độ tưới hợp lý cho cây thanh long - tỉnh Bình Thuận	2	Có	Tạp chí Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn- ISSN 1859-4581			10, 70-77	2012
10	Hạn hán miền Trung, một số giải pháp khắc phục	2	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi-ISSN 1859-4255			7, 68-73	2012
11	Kinh nghiệm quản lý phát triển nguồn nước bền vững ở Australia	3	Không	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi-ISSN 1859-4255			19, 103-108	2012
12	Phương pháp đánh giá tác động của BĐKH đến hệ thống cơ sở hạ tầng nông nghiệp và Nông thôn tỉnh Thừa Thiên Huế	1	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi-ISSN 1859-4255			22, 34-41	2014
13	Công nghệ trữ nước sinh hoạt nông thôn khu vực khan hiếm nước	2	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi-ISSN 1859-4255			22, 60-66	2014

14	Tác động của điều tiết hồ chứa đến xâm nhập mặn và cấp nước hạ du lưu vực sông Vu Gia – Thu Bồn	2	Có	Tạp chí Tài nguyên nước-ISSN 1859-3771			4, 40-50	2015
15	Nghiên cứu khả năng tiếp nhận nước thải của sông Vu Gia - Thu Bồn	2	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi-ISSN 1859-4255			12, 45-56	2015
16	Ứng dụng công nghệ quản lý nước tiết kiệm trên ruộng lúa vùng ĐBSH, kết quả nghiên cứu vụ chiêm Xuân 2015 tại xã Phú Thịnh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên	1	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi-ISSN 1859-4255			32, 53-64	2016
17	Chế độ tưới cho lúa Bắc Thơm vùng ĐBSH, kết quả nghiên cứu vụ chiêm Xuân 2015 tại xã Phú Thịnh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên	1	Có	Tạp chí Tài nguyên nước-ISSN 1859-3771			2, 48-55	2016

18	Effect of planting density and silicic acid fertilizer on rice yield in the Red River Delta, Vietnam	6	Không	Journal of the Japanese Society of Soil Physics- ISSN:0387-6012	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		P46, 104-105	2016
19	Kết quả nghiên cứu quản lý nước ruộng lúa giảm phát thải khí nhà kính (CH ₄) trong vụ chiêm Xuân và Hè thu năm 2015 vùng ĐBSH	1	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi, ISSN 1859-4255			38, 20-28	2017
20	Characteristics of CH ₄ Flux from Paddy Field Adopting the Intermittent Irrigation Techniqueduring the Winter-Spring and Summer-Autumn Seasons in the Red River Delta, Vietnam	9	Không	THA 2017 International Conference on “Water Management and Climate Change Towards Asia's Water-Energy-Food Nexus” 25 - 27 January 2017, Bangkok, Thailand. Proceedings in International Journal: ISSN 0125-8281	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		, 122-128	2017

21	Quản lý nước mặt ruộng để giảm thiểu phát thải khí nhà kính (CH ₄ , N ₂ O) trên ruộng lúa vùng đồng bằng sông Hồng	2	Có	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển nông thôn ISSN 1859-4581			10, 60-66	2017
22	Nghiên cứu tích hợp công nghệ tưới tiết kiệm nước cho cây lạc trên đất cát ven biển, xã Diễn Thịnh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An	3	Có	Tuyển tập khoa học công nghệ năm 2017-Nhà xuất bản lao động ISBN: 978-604-59-9285-2			, 196-205	2018
23	Quy trình kỹ thuật canh tác lúa tiên tiến tại xã Phú Thịnh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên	3	Có	Tuyển tập khoa học công nghệ năm 2017-Nhà xuất bản lao động ISBN: 978-604-59-9285-2			, 216-226	2018
24	Ứng dụng ảnh vệ tinh Landsat 7 ETM đánh giá chất lượng nước hồ kê gỗ tỉnh Hà Tĩnh	13	Không	Tạp chí khoa học và công nghệ an toàn sức khỏe, môi trường lao động ISSN 1859-0896			Số 1,2,3, 89-96	2018

25	Water management for reducing methane emission from paddy plot in Red River delta, Vietnam	12	Không	Kỹ yếu Hội thảo quốc gia về kỹ thuật nông nghiệp và nông thôn Nhật Bản, ISSN 1881-4948	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		[6-3] , 496-497	2018
26	Effects of planting density and silicate fertilizer application on yield components of rice	9	Không	PAWEES-INEPF International Conference 2018 Nara	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		P-53, 178-179	2018
27	Quy trình tưới tiêu khoa học cho lúa, giảm phát thải khí nhà kính (CH4, N2O) vùng Đồng bằng sông Hồng	1	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi ISSN 1859-4255			50, 60-73	2018
28	Quy trình tưới phun mưa cho cây hành khu vực miền Trung	1	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi-ISSN 1859-4255			50, 93-100	2018
29	Giải pháp công nghệ xử lý nước mưa và nước mặt phục vụ sinh hoạt cho người dân vùng Tây Bắc	5	Không	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi ISSN 1859-4255			50, 139-151	2018

30	Quy trình tưới phun mưa cho cây tỏi khu vực miền Trung	1	Có	Tạp chí Tài nguyên nước ISSN 1859-3771			1, 21-27	2019
31	Study on control of redox potential and effect on methane emission by ponding depth management	12	Không	Suimon-mizukankyo_journal Applied Hydrology-The Japannes Cociety of Irrigation, Drainage and Rural Engineering ISSN 1881-4948	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		31, 79-87	2019
32	Effect of organizational paddy water management by a water user group on methane and nitrous oxide emissions and rice yield in the Red River Delta, Vietnam	16	Có	Agricultural Water Management, ISSN: 0378-3774	Agricultural Water Management, ISSN: 0378-3774 - ISI IF: 3.542		217 , 179-192	2019
33	Quy trình tưới phun mưa cho cây lạc khu vực miền Trung	1	Có	Tạp chí Tài nguyên nước ISSN 1859-3771			2, 48-56	2019
34	Kết quả dự báo chất lượng nước trong hệ thống thủy lợi Liễn Sơn – Vĩnh Phúc vụ Đông Xuân 2018	1	Có	Tạp chí Tài nguyên Nước-ISSN 1859-3771			3, 61-72	2019

35	Nghiên cứu tích hợp công nghệ tưới tiết kiệm nước cho khu mẫu 3 ha thanh long, xã Hàm Kiệm, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận	1	Có	Tạp chí Tài nguyên nước-ISSN 1859-3771			3, 33-40	2019
36	Đánh giá hiệu quả phát thải khí nhà kính (CH ₄ N ₂ O) trong canh tác lúa tại xã Phú Thịnh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên (2015-2017)	1	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi-ISSN 1859-4255			55, 108-118	2019
37	Kết quả dự báo chất lượng nước trong hệ thống thủy lợi Liễn Sơn – Vĩnh Phúc vụ Đông Xuân 2019	1	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi-ISSN 1859-4255			55, 71-84	2019

38	Proposal and practice of eco-friendly water and materials management which is compatible with improvement of rice yield and quality in paddy fields in Vietnam	11	Có	Proceeding of the International conference on Science and Technology for Water security disaster reduction and climate change adaptation, Hanoi, November 05th, 2019. ISSN 978-604-67-1637-2	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		1, 214-223	2019
39	Vai trò của giải pháp công trình thủy lợi trong nuôi tôm công nghiệp	1	Có	Tạp chí Tài nguyên nước-ISSN 1859-3771			1, 44-47	2020
40	Nghiên cứu tích hợp các công nghệ tưới TKN cho 300 ha rau an toàn tập trung, xã An Hải, huyện Ninh Phước, Ninh Thuận	1	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi-ISSN 1859-4255			58, 54-62	2020
41	Một số dạng công trình lấy phù sa hạ du hồ Hòa Bình	1	Có	Tạp chí Tài nguyên nước-ISSN 1859-3771			2, 10-15	2020
42	Một vài ý kiến về nghiên cứu công trình xả trạm bơm	2	Có	Tạp chí Tài nguyên nước-ISSN 1859-3771			2, 64-71	2020

43	Tình hình hạ thấp mực nước trên sông Hồng và các giải pháp để thích ứng	2	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi-ISSN 1859-4255			59, 23-33	2020
44	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ tưới nhỏ giọt cho 20 ha mang tây xã An Hải, Ninh Thuận	1	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi-ISSN 1859-4255			60, 10-15	2020

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 1

Lưu ý: Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS. 7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	Quy trình tưới tiêu khoa học cho lúa vụ Xuân vùng đồng bằng sông Hồng, tiết kiệm nước, giảm phát thải khí nhà kính	Cục sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ	27/05/2020	Lê Xuân Quang/ Nguyễn Văn Tinh, Trần Hưng, Lê Thế Hiếu, Phạm Thanh Bình	5

2	Quy trình tưới tiêu khoa học cho lúa vụ Mùa vùng đồng bằng sông Hồng, tiết kiệm nước, giảm phát thải khí nhà kính	Cục sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ	27/05/2020	Lê Xuân Quang/ Nguyễn Văn Tinh, Trần Hưng, Lê Thế Hiếu, Phạm Thanh Bình	5
---	---	---	------------	--	---

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 1 2

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
Không có				

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ	Vai trò	Cơ sở giáo dục đại học
Không có			

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu): (năm học 2017-2018/ 56,7 giờ. Năm học 2018-2019/45,9 giờ)

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu): (năm học 2017-2018/74,2 giờ. Năm học 2018-2019/65,4 giờ)

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

(*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

quận Nam Từ Liêm; thành phố Hà Nội , ngày 30

tháng 06 năm 2020

Người đăng ký

(Ký và ghi rõ họ tên)